

Bản án số: 03/2021/DS-ST

Ngày: 05/4/2021

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HÀ, TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Chu Thị Vân và bà Nguyễn Thị Lánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diệu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Bé - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2021 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2020/TLST – DS ngày 18/11/2020. Về việc: “***Tranh chấp hợp đồng tín dụng***”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST – DS ngày 04 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST – DS ngày 19/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A. (*Gọi tắt ACB*).

Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị Minh K, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Vũ Thị Anh Đ – Giám đốc Phòng Quản lý nợ. (*Theo giấy ủy quyền số 428/UQ – QL.N.19 ngày 26/6/2019*)

Đại diện theo ủy quyền: Võ Văn X - Nhân viên Ngân hàng thương mại cổ phần A (*Theo giấy ủy quyền số 733/UQ-QLN.20 ngày 29/7/2020*)

Địa chỉ: 38 – 40 Trần PH (Nối dài), phường Tây S, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Bị đơn: Ông Phạm Văn Ph; sinh năm: 1948 và bà Phạm Thị M; sinh năm: 1954;

Cùng địa chỉ: Thôn 8, xã Ngọc Wang, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 10 năm 2020, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần A trình bày:

ACB có ký kết hợp đồng tín dụng và cho bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn Ph vay tiền theo:

- Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số **KTU.CN.954.240717** ngày 25/7/2017;

- Hợp đồng cấp tín dụng số **KTU.CN.1229.081018** ngày 08/10/2018;

- Hợp đồng cấp tín dụng số **KTU.CN.1211.150719** ngày 10/8/2019;

- Phụ lục hợp đồng số **KTU.CN.1211.150719/PL-01** ngày 10/8/2019;

- Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số **KTU.CN.1211.150719/SĐBS** ngày 03/10/2019;

Theo đó, hạn mức tín dụng cho vay là: Ngày 08/10/2018 là 1.700.000.000 đồng; Ngày 10/8/2019 là 1.480.000.000 đồng; ngày 03/10/2019 là 700.000.000 đồng. Mục đích vay: Sản xuất kinh doanh – Bổ sung vốn lưu động – Bổ sung vốn kinh doanh nông sản. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng 10/8/2019. Lãi suất cho vay theo từng khế ước nhận nợ:

Khế ước nhận nợ số 286266679; ngày 20/6/2019: số tiền giải ngân 200.000.000 đồng. thời hạn vay từ ngày 21/6/2019 đến 20/4/2020, lãi suất trong hạn 9.2%/năm.

Khế ước nhận nợ số 289735729; ngày 10/8/2019: số tiền giải ngân 80.000.000 đồng. thời hạn vay từ ngày 11/8/2019 đến 10/5/2020, lãi suất trong hạn 9.9%/năm.

Khế ước nhận nợ số 303745499; ngày 27/02/2020: số tiền giải ngân 370.000.000 đồng. thời hạn vay từ ngày 28/02/2020 đến 27/5/2020, lãi suất trong hạn 10.6%/năm.

Bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn Ph đã nhận đủ số tiền vay 650.000.000 đồng thể hiện qua Giấy lĩnh tiền mặt ngày 26/06/2019; 10/8/2019 và 27/02/2020.

Để đảm bảo cho khoản vay bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn Ph đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng theo các hợp đồng thế chấp:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số **KTU.BĐCN.02271114** được công chứng tại Phòng Công chứng số 2 (tỉnh Kon Tum) ngày 27/11/2014, số công chứng 111; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đăk Hà ngày 27/11/2014, số thứ tự 3357, quyền số 01.

Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số **KTU.BĐCN. 02271114 /SĐBS – 01** được công chứng tại Phòng Công chứng số 2 (tỉnh Kon Tum) ngày 11/7/2018, số công chứng 2276;

Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số **KTU.BĐCN. 02271114 /SĐBS – 02** được công chứng tại Phòng Công chứng số 2 (tỉnh Kon Tum) ngày 18/9/2018, số công chứng 2276;

Theo đó, bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn Ph đã thế chấp:

Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 136; tờ bản đồ số 25, diện tích 1759,3m². Địa chỉ thửa đất: Thôn Đăk Kđem, xã Đăk Ngok, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 353667 do UBND huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum cấp ngày 10/10/2014.

Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 161; tờ bản đồ số 25, diện tích 4154,7m². Địa chỉ thửa đất: Thôn 8, xã Ngọc Wang, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 353667 do UBND huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum cấp ngày 10/10/2014.

Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 157; tờ bản đồ số 25, diện tích 17641,9m². Địa chỉ thửa đất: Thôn 8, xã Ngọc Wang, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 353667 do UBND huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum cấp ngày 10/10/2014.

Tính đến ngày 05/4/2021, bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn Ph còn nợ ACB tổng cộng: 757.856.389 đồng (*Bảy trăm năm mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi chín ngàn ba trăm tám mươi chín đồng*). Trong đó: Gốc: 650.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 14.932.933 đồng; Lãi quá hạn: 91.493.341 đồng; Phạt chậm trả lãi trong hạn chưa thanh toán: 1.430.115 đồng.

Để đảm bảo quyền lợi của bên cho vay là Ngân hàng TMCP Á Châu, kính đề nghị Toà án nhân dân huyện Đăk Hà buộc bên vay vốn là bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn Ph phải có trách thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP Á Châu với tổng số tiền là : 757.856.389 đồng (*Bảy trăm năm mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi chín ngàn ba trăm tám mươi chín đồng*).

Và phải tiếp tục thanh toán phần lãi suất phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết cũng như các khoản phí khác mà bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn Ph đã ký kết với ngân hàng.

Trường hợp bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn Ph không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng TMCP Á Châu, thì ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản đã thế chấp tại ngân hàng TMCP Á Châu, toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản đảm bảo được dùng để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn Ph đối với Ngân hàng.

Về án phí dân sự sơ thẩm và tiền xem xét thẩm định, các khoản phí phát sinh khác bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Về phía bị đơn: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật và các thủ tục tố tụng khác theo quy định của pháp luật. Nhưng bị đơn ông Phạm Văn Ph và bà Phạm Thị M vẫn vắng mặt không có lý do, nên không thể tiến hành hòa giải được, đã gây khó khăn, kéo dài việc giải quyết vụ án. Tại bản tự khai đề ngày 23/11/2020 của bà Phạm Thị M trình bày: đúng là vợ chồng bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn Ph có vay vốn tại Ngân hàng TMCP Á Châu số tiền như ngân hàng khởi kiện, đến thời hạn hợp đồng bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn Ph không trả nợ cho ngân

hàng. Bà Phạm Thị M đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trường hợp bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn Ph không trả được nợ cho ngân hàng thì đồng ý cho ngân hàng xử lý các tài sản đã thế chấp cho ngân hàng. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn Ph đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã xem xét thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định tại Điều 26, 35, 68 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo đúng quy định tại Điều 97, 98, 101 BLTTDS. Tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thủ tục hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210, 211 BLTTDS. Trình tự thụ lý, việc cấp, gửi, tổng đạt văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát, đương sự đầy đủ đúng quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp đúng thời hạn quy định tại Khoản 2 Điều 220 BLTTDS. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 BLTTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 BLDS 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A. Buộc bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn Ph phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền 757.856.389 đồng (*Bảy trăm năm mươi bảy triệu tám trăm năm mươi sáu ngàn ba trăm tám mươi chín đồng*). Và yêu cầu thanh toán nợ lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ từ ngày 06/4/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp bị đơn không trả được số tiền nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Về án phí, chi phí tố tụng: đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Á Châu với bị đơn bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn Ph có địa chỉ tại: Thôn 8, xã

Ngọc Wang, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum, đây là tranh chấp quan hệ giao dịch dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện tất cả các phương thức tổng đạt hợp lệ quy định tại Điều 173 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn theo địa chỉ ghi trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp. Do bị đơn vắng mặt tại phiên tòa ngày 19/3/2021 Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Quyết định hoãn phiên tòa đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án*: Qua lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đã đủ cơ sở để khẳng định: Ngân hàng TMCP Á Châu cấp tín dụng cho bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn Ph theo: Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số **KTU.CN.954.240717** ngày 25/7/2017; Hợp đồng cấp tín dụng số **KTU.CN.1211.150719** ngày 10/8/2019; Phụ lục hợp đồng số **KTU.CN.1211.150719/PL-01** ngày 10/8/2019; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số **KTU.CN.1211.150719/SDBS** ngày 03/10/2019;

Theo đó, hạn mức tín dụng cho vay là: Ngày 03/10/2019 là 700.000.000 đồng. Mục đích vay: Sản xuất kinh doanh – Bổ sung vốn lưu động – Bổ sung vốn kinh doanh nông sản. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng 10/8/2019. Số tiền cho, thời hạn vay cụ thể và lãi suất cho vay theo từng khế ước nhận nợ:

Khế ước nhận nợ số 286266679; ngày 20/6/2019: số tiền giải ngân 200.000.000 đồng. thời hạn vay từ ngày 21/6/2019 đến 20/4/2020, lãi suất trong hạn 9.2%/năm.

Khế ước nhận nợ số 289735729; ngày 10/8/2019: số tiền giải ngân 80.000.000 đồng. thời hạn vay từ ngày 11/8/2019 đến 10/5/2020, lãi suất trong hạn 9.9%/năm.

Khế ước nhận nợ số 303745499; ngày 27/02/2020: số tiền giải ngân 370.000.000 đồng. thời hạn vay từ ngày 28/02/2020 đến 27/5/2020, lãi suất trong hạn 10.6%/năm.

Bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn Ph đã nhận đủ số tiền vay 650.000.000 đồng thể hiện qua Giấy lĩnh tiền mặt ngày 26/06/2019; 10/8/2019 và 27/02/2020.

Để đảm bảo cho khoản vay bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn Ph đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng theo các hợp đồng thế chấp: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số **KTU.BĐCN.02271114** được công chứng tại Phòng Công chứng số 2 (tỉnh Kon Tum) ngày 27/11/2014, số công chứng 111; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn

phòng đăng ký đất đai huyện Đắk Hà ngày 27/11/2014, số thứ tự 3357, quyền số 01. Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số **KTU.BĐCN. 02271114 /SĐBS – 01** được công chứng tại Phòng Công chứng số 2 (tỉnh Kon Tum) ngày 11/7/2018, số công chứng 2276; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số **KTU.BĐCN. 02271114 /SĐBS – 02** được công chứng tại Phòng Công chứng số 2 (tỉnh Kon Tum) ngày 18/9/2018, số công chứng 2276;

Theo đó, bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn Ph đã thế chấp:

Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 136; tờ bản đồ số 25, diện tích 1759,3m². Địa chỉ thửa đất: Thôn Đăk Kđêm, xã Đăk Ngok, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 353667 do UBND huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum cấp ngày 10/10/2014.

Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 161; tờ bản đồ số 25, diện tích 4154,7m². Địa chỉ thửa đất: Thôn 8, xã Ngọc Wang, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 353667 do UBND huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum cấp ngày 10/10/2014.

Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 157; tờ bản đồ số 25, diện tích 17641,9m². Địa chỉ thửa đất: Thôn 8, xã Ngọc Wang, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 353667 do UBND huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum cấp ngày 10/10/2014.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc bị đơn có ký hợp đồng tín dụng như nguyên đơn cung cấp là đúng sự thật, đây là hợp đồng giao dịch dân sự có bảo đảm. Theo đó, việc nguyên đơn với bị đơn có ký kết Hợp đồng tín dụng là trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Hai bên đã thoả thuận về phương thức thanh toán số tiền gốc và lãi suất đã được ghi trong hợp đồng, Đề nghị giải ngân kiêm kê ước nhận nợ. Khi ký kết hợp bị đơn còn thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho nguyên đơn để bảo đảm khoản tiền vay. Khi hết thời hạn của hợp đồng tín dụng nhưng bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn Ph không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là đã vi phạm quy định hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xuất trình bảng kê tính lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/4/2021) yêu cầu bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn Ph phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ tổng cộng là 757.856.389 đồng (*Bảy trăm năm mươi bảy triệu tám trăm năm mươi sáu ngàn ba trăm tám mươi chín đồng*) là có căn cứ. Vì vậy, cần áp dụng các 280, 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự 2015 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét các hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Tại hồ sơ vụ án đã thể hiện bị đơn bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn Ph có ký kết hợp đồng thế chấp, hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp. Hợp đồng thế chấp đều được chứng thực theo quy định và đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đắk Hà. Như vậy, việc thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất là hợp pháp nên có giá trị đảm bảo thi hành. Do đó, hợp đồng đã có hiệu lực pháp luật và được chấp nhận khi bị đơn không trả được số tiền vay thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm

quyền xử lý giải quyết để thu hồi vốn là đúng quy định tại các Điều 298, 299, 317, 323 Bộ luật dân sự 2015.

Từ những nhận định trên – Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Á Châu. Buộc bị đơn bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn Ph phải trả cho Ngân hàng TMCP Á Châu số tiền nợ tính đến ngày 05/4/2021 tổng cộng 757.856.389 đồng (*Bảy trăm năm mươi bảy triệu tám trăm năm mươi sáu ngàn ba trăm tám mươi chín đồng*). Trong đó: Gốc: 650.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 14.932.933 đồng; Lãi quá hạn: 91.493.341 đồng; Phạt chậm trả lãi trong hạn chưa thanh toán: 1.430.115 đồng. Trường hợp bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn Ph không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP Á Châu được quyền yêu cầu xử lý đối với tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án theo các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất.

[4] Về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Đối với số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 6.000.000 đ (*Sáu triệu đồng*), bị đơn bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn Ph phải chịu toàn bộ và có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Á Châu.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn Ph là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, HĐXX xét thấy cần miễn án phí cho bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn Ph là phù hợp với quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 280, 299, 317, 323, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A.

[1] Buộc bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn Ph phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền 757.856.389 đồng (*Bảy trăm năm mươi bảy triệu tám trăm năm mươi sáu ngàn ba trăm tám mươi chín đồng*). Trong đó: Gốc: 650.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 14.932.933 đồng; Lãi quá hạn: 91.493.341 đồng; Phạt chậm trả lãi trong hạn chưa thanh toán: 1.430.115 đồng tính đến hết ngày 05/4/2024.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng thương mại cổ phần A có đơn yêu cầu thi hành án thì bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn Ph còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất mà các bên thỏa

thuận trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (05/4/2021) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần A thì lãi suất mà bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn Ph phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn Ph không trả đủ số tiền cho Ngân hàng thương mại cổ phần A thì Ngân hàng thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 136; tờ bản đồ số 25, diện tích 1759,3m². Địa chỉ thửa đất: Thôn Đăk Kđêm, xã Đăk Ngok, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 353667 do UBND huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum cấp ngày 10/10/2014.

Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 161; tờ bản đồ số 25, diện tích 4154,7m². Địa chỉ thửa đất: Thôn 8, xã Ngọc Wang, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 353667 do UBND huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum cấp ngày 10/10/2014.

Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 157; tờ bản đồ số 25, diện tích 17641,9m². Địa chỉ thửa đất: Thôn 8, xã Ngọc Wang, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 353667 do UBND huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum cấp ngày 10/10/2014.

[2] *Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ*: Căn cứ các Điều 156, 157; Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn Ph phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn Ph phải hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp tại Tòa án.

[3] *Về án phí*: Áp dụng các Điều 144 và 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 6, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, Điều 19, Khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn Ph.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum là 16.154.809 đồng (*Mười sáu triệu một trăm năm mươi bốn ngàn tám trăm lẻ chín đồng*) theo biên lai số AA/2016/0004401 ngày 18/11/2020.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Trong thời hạn hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (05/4/2024) nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để xét xử theo thủ

tục phúc thẩm. Bị đơn bà Phạm Thị M và ông Phạm Văn Ph vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đắk Hà;
- Chi cục THADS huyện Đắk Hà
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA